TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2018/HNST
Ngày: 28-12-2018.
"*V/v tranh chấp ly hôn*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Tuấn.**

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà **Võ Thị Mỹ Ngọc**.
2. Ông **Phạm Văn Tư**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Thị Bé Diễm** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 28 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 406/2018/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 12 năm 2018 về việc "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1072/2018/QĐXX-ST, ngày 18-12-2018 giữa các đương sự:

*. *Nguyên đơn:* Ông **Chung Thành Đ**, sinh năm 1978.
Cư trú: Số 5/7, tổ 17, khu phố C, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (xin vắng mặt).

*. *Bị đơn:* Bà **Đoàn Thị Thúy Ng,** sinh năm 1992.
Cư trú: Số 213E, ấp T, xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20-11-2018, ông Chung Thành Đ trình bày:

- Về hôn nhân: Ông Đ và bà Đoàn Thị Thúy Ng tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau sau đó đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai vào ngày 10-12-2010. Sau khi kết hôn ông Đ và bà Ng sống chung với nhau hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng gay gắt. Vì vậy, ông Đ và bà

Ng ly thân nhau, mạnh ai nấy sống không ai lo lắng cho nhau. Ông Đ xác định hôn nhân không thể hàn gắn lại được nên yêu cầu ly hôn với bà Đoàn Thị Thúy Ng.

- Về con chung: Ông Đ và bà Ng có 02 con chung tên Chung Thành Đ1, sinh ngày 01-11-2009 và Chung Ngọc Kim Ng1, sinh ngày 29-8-2011, hiện ông Đ đang nuôi dưỡng 02 con. Khi ly hôn, ông Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu bà Ng cấp dưỡng nuôi con chung.

- Quyền và nghĩa vụ tài sản: Ông Đ xác định ông và bà Ng không có nợ gì của ai và cũng không ai nợ vợ chồng ông; tài sản chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 18-12-2018, ông Chung Thành Đ có đơn đề nghị vắng mặt không tham gia tố tụng; xin vắng mặt không tham dự các phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; xin vắng mặt không tham dự phiên tòa.

Bị đơn Đoàn Thị Thúy Ng: Đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án. Ngày 17-12-2018, bà Ng có đơn đề nghị vắng mặt không tham gia tố tụng xin vắng mặt không tham dự các phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; xin vắng mặt không tham dự phiên tòa. Trong đơn bà đã xác nhận nội dung đơn khởi kiện của ông Đ như nêu trên là đúng và bà đồng ý thống nhất với những yêu cầu của ông Đ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ông Đ xin ly hôn bà Ng là tranh chấp về quan hệ hôn nhân và gia đình nên ông Đ là người có quyền khởi kiện yêu cầu ly hôn. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố Vĩnh Long nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long. Các đương sự tham gia tố tụng đảm bảo năng lực pháp luật tố tụng dân sự và năng lực hành vi tố tụng dân sự. Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử xác định thủ tục tố tụng trong vụ án đảm bảo theo quy định tại các Điều 28, 35, 39, 69, 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Chung Thành Đ, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về hôn nhân giữa ông Đ và bà Ng được hình thành trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp

pháp. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể hàn gắn đoàn tụ vợ chồng để yêu thương lo lắng cho nhau cùng xây dựng gia đình hạnh phúc, tiến bộ nên ông Đ khởi kiện xin ly hôn với bà Ng; bà Ng có đơn trình bày ý kiến đồng ý ly hôn với ông Đ. Xét yêu cầu và ý kiến của ông Đ với bà Ng phù hợp với xác nhận của chính quyền địa phương về tình trạng hôn nhân.

Căn cứ ý kiến trình bày cùng các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Hội đồng xét xử nhận thấy, vì đời sống hôn nhân giữa ông Đ với bà Ng bị đổ vỡ, tình cảm vợ chồng giữa ông Đ với bà Ng không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lo lắng cho nhau, hôn nhân không còn sự tự nguyện, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ, cho ông Đ được ly hôn với bà Ng.

- Về con chung: Ông Đ và bà Ng có 02 con chung tên Chung Thành Đ1, sinh ngày 01-11-2009 và Chung Ngọc Kim Ng1, sinh ngày 29-8-2011, hiện ông Đ đang nuôi dưỡng 02 con. Ông Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đ1 và cháu Ng1, không yêu cầu bà Ng cấp dưỡng nuôi con chung; bà Ng đồng ý giao 02 con chung cho ông Đ nuôi dưỡng. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp ý kiến nguyện vọng của cháu Chung Thành Đ1 và cháu Chung Ngọc Kim Ng1. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Đ, giao cho ông Đ được tiếp tục nuôi dưỡng Chung Thành Đ1, sinh ngày 01-11-2009 và Chung Ngọc Kim Ng1, sinh ngày 29-8-2011; bà Ng không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quyền và nghĩa vụ tài sản: Do nguyên đơn và bị đơn đều xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung. Vì vậy căn cứ Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện của nguyên đơn nên không đặt ra để xem xét giải quyết vấn đề này.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Quốc hội và phần A danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo.

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Chung Thành Đ.

1. Về hôn nhân: Ông Chung Thành Đ được ly hôn với bà Đoàn Thị Thúy Ng.

2. Về Con chung: Giao cho ông Đ được tiếp tục nuôi dưỡng Chung Thành Đ1, sinh ngày 01-11- 2009 và Chung Ngọc Kim Ng1, sinh ngày 29-8-2011 theo nguyện vọng của cháu Đ1 và Ng1; bà Ng không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Quyền và nghĩa vụ tài sản của các đương sự: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc ông Chung Thành Đ nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn khấu trừ tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số No 0004179 ngày 05-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long nên ông Đ không phải nộp thêm; bà Ng không phải nộp án phí.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai. Báo cho nguyên đơn và bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để xin Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm**./.**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Quốc Tuấn

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- TAND tỉnh VL;
- THADS TPVL;
- UBND phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ.